

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT THÁNG 03 NĂM 2025

(kèm theo Công văn số: /ĐT ngày tháng năm 2025 của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
1. Chương trình đào tạo chất lượng cao									
1.	QH-2019-I/CQ-I-IT15	19020232	Nguyễn Văn Chính	26/09/2001	126	3.28	136		
2.	QH-2019-I/CQ-I-IT15	19020039	Lương Duy Đạt	11/10/2001	126	3.69	136	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021405	Chữ Việt Anh	26/10/2001	137	2.99	141		
2.	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021412	Nguyễn Lâm Anh	25/08/2001	120	2.28	141	GDTC	
3.	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021406	Trần Tuấn Anh	31/03/2001	133	3.01	141	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021418	Hồ Trần Bình	28/09/2001	137	2.53	141	GDTC	
5.	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021432	Lương Nguyễn Minh Đức	07/10/2001	119	2.06	141		
6.	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021448	Nguyễn Công Hải	03/07/2001	140	2.31	141		
7.	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021494	Trần Xuân Nguyên	22/04/2001	142	2.69	141	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021023	Nguyễn Quang Dũng	18/03/2001	139	2.83	139	Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021037	Nguyễn Văn Hải	26/07/2001	108	2.45	139	Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19020157	Đào Tuấn Huy	02/07/2000	133	2.35	139	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021062	Đặng Đình Huy	27/07/2001	140	2.91	139	Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021063	Nghiêm Quang Huy	22/07/2001	95	2.32	139	GDTC Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021070	Nguyễn Trung Kiên	31/03/2001	111	2.32	139	GDTC Tiếng Anh	
7.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021083	Nguyễn Quang Minh	09/06/2001	140	3.13	139	Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021093	Lâm Văn Phương	01/10/2000	98	2.15	139	GDTC Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021098	Nguyễn Văn Quang	30/05/2001	140	2.72	139	Tiếng Anh	
10.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021095	Trịnh Hồng Quân	20/10/2001	132	2.90	139	Tiếng Anh	
11.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021116	Nguyễn Quốc Thịnh	12/09/2001	140	2.53	139	Tiếng Anh	
12.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021118	Trần Hữu Thịnh	15/12/2001	122	2.48	139		
13.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021119	Phạm Minh Tiến	18/04/2001	121	2.23	139	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
14.	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021134	Nguyễn Xuân Tùng	10/03/2001	132	2.36	139	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-I-IS	19021291	Dương Việt Hùng	10/06/2001	80	2.21	138	Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-I-IS	19021302	Hồ Quang Huy	02/05/2001	128	2.62	138		
3.	QH-2019-I/CQ-I-IS	19020102	Nguyễn Anh Huy	03/01/2001	47	2.37	138	GDTC	
4.	QH-2019-I/CQ-I-IS	19021312	Dương Hoàng Khánh	11/08/2001	111	2.64	138		
5.	QH-2019-I/CQ-I-IS	19021344	Hoàng Bảo Phúc	11/08/2001	106	2.82	138	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021211	Dương Tú Anh	22/10/2001	128	2.75	138		
2.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021210	Lý Hoàng Anh	23/08/2001	138	2.83	138	Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021250	Phạm Quý Dương	10/04/2001	119	2.60	138		
4.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021242	Hà Tiến Đức	24/09/2001	128	2.96	138		
5.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021259	Nguyễn Trường Giang	16/08/2001	118	2.33	138	Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19020034	Trần Minh Hoàng	19/05/2001	135	3.24	138		
7.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19020103	Dương Nhật Huy	15/07/2001	102	2.70	138	GDTC	
8.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021305	Lê Bá Gia Huy	02/09/2001	141	2.69	138	Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021294	Vũ Quang Hưng	16/01/2001	125	2.64	138		
10.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19020104	Nguyễn Ngọc Khang	30/06/2001	95	2.69	138	GDTC	
11.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021319	Đặng Xuân Lâm	22/11/2001	138	2.44	138	GPA < 2.5	
12.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021322	Trần Thế Mạnh Long	28/12/2001	116	2.63	138		
13.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021333	Nguyễn Công Minh	15/08/2001	128	2.60	138		
14.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021337	Vũ Thế Nam	04/08/2001	128	3.29	138		
15.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021355	Ngô Đình Ngọc Quang	01/02/2001	138	2.56	138	Tiếng Anh	
16.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021370	Đào Duy Thượng	23/08/2001	123	2.43	138		
17.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021373	Phí Trần Toàn	28/05/2001	118	2.05	138		
18.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021378	Lê Quang Trung	19/07/2001	54	2.20	138	GDTC Tiếng Anh	
19.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021383	Nguyễn Anh Tuấn	15/12/2001	43	2.85	138	GDTC Tiếng Anh	
20.	QH-2019-I/CQ-I-CS	19021392	Trần Quang Việt	09/04/2001	128	2.85	138		
1.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021485	Lê Tuấn Anh	08/06/2002	109	2.00	141	Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021487	Nguyễn Duy Hoàng Anh	20/02/2002	137	2.43	141		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
3.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021519	Nguyễn Minh Đức	06/07/2002	122	2.45	141	GDTC	
4.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021536	Dương Quốc Huy	15/07/2002	143	2.55	141	GDTC	
5.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021541	Trần Văn Huy	01/06/2002	131	2.25	141	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021543	Nguyễn Văn Hưng	03/12/2002	141	2.53	141	Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021552	Trịnh Công Mạnh	09/01/2002	77	1.98	141		
8.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021555	Nguyễn Như Minh	18/01/2002	131	2.73	141		
9.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021559	Đoàn Tuấn Nghĩa	14/06/2002	123	2.45	141	GDTC Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021560	Nguyễn Thị Ngoan	27/03/2002	140	2.58	141	GDTC	
11.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021563	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	29/03/2002	143	2.59	141	Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021572	Hoàng Anh Quân	12/01/2002	137	2.42	141	Tiếng Anh	
13.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20020247	Hoàng Tùng Quân	17/02/2002	121	2.19	141		
14.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20020331	Nguyễn Thành Tài	16/10/2002	109	2.16	141	GDTC	
15.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021580	Nguyễn Minh Tâm	30/09/2002	128	2.36	141	Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021583	Đỗ Đức Thắng	16/04/2002	141	2.35	141	GPA < 2.5	
17.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021586	Vũ Minh Tiến	22/05/2002	141	2.61	141	Tiếng Anh	
18.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021587	Nguyễn Như Tĩnh	09/10/2002	138	2.45	141		
19.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021591	Nguyễn Quang Trung	06/12/2002	129	2.23	141		
20.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20021595	Nguyễn Minh Tuấn	02/04/2002	142	2.53	141	6TC KKT ngành tự chọn	
21.	QH-2020-I/CQ-E-EC	20020252	Bùi Thành Vinh	11/01/2002	112	2.21	141	GDTC	
1.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021085	Trần Quốc Anh	12/08/2002	119	2.37	139	GDTC	
2.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021089	Hoàng Thanh Bình	24/04/2002	130	2.28	139		
3.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021100	Hoàng Minh Dũng	06/05/2002	117	2.39	139		
4.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021105	Nguyễn Minh Dương	27/02/2002	139	2.58	139	GDTC Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021106	Nguyễn Quý Dương	04/11/2002	116	2.62	139	GDTC	
6.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021107	Nguyễn Tùng Dương	09/01/2002	139	2.98	139	GDTC Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021109	Nguyễn Mạnh Đạt	01/06/2002	136	2.52	139		
8.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021110	Nguyễn Thành Đạt	06/02/2002	90	1.91	139	GDTC	
9.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021113	Nguyễn Hữu Hải Đăng	16/10/2002	131	2.70	139	GDTC	
10.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021116	Đặng Tiến Đông	22/03/2002	125	2.82	139	Tiếng Anh	
11.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021125	Vũ Văn Hiệp	18/10/2002	114	2.26	139	GDTC Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
12.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021145	Tòng Duy Hưng	09/07/2002	127	2.21	139	GDTC	
13.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021151	Trần Bảo Liêm	07/07/2002	73	2.03	139	GDTC	
14.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021152	Đào Nguyễn Hải Linh	09/11/2002	128	2.42	139	GDTC	
15.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021159	Trần Đức Mạnh	23/11/2002	133	2.32	139	GDTC	
16.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021169	Bùi Trọng Đức Nghĩa	05/09/2002	106	2.20	139	GDTC	
17.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021170	Đoàn Trung Nghĩa	23/10/2002	139	3.11	139	Tiếng Anh	
18.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021174	Bùi Tá Phong	11/11/2002	114	2.20	139	GDTC	
19.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021176	Nguyễn Văn Phương	27/09/2022	139	2.47	139	GDTC Tiếng Anh	
20.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20020243	Ngô Ngọc Quang	05/10/2002	127	2.18	139		
21.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20020244	Trần Đức Thắng	07/12/2002	101	2.23	139	GDTC	
22.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021193	Phạm Ngọc Thu	03/11/2002	134	2.42	139	GDTC Tiếng Anh	
23.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021198	Nguyễn Đức Trung	16/06/2002	107	3.24	139	GDTC	
24.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021199	Trần Quang Trung	10/07/2002	131	2.55	139	GDTC	
25.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021208	Vũ Duy Tùng	04/07/2002	140	3.21	139	GDTC Tiếng Anh	
26.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021211	Trần Quốc Việt	14/10/2002	104	2.41	139	GDTC Tiếng Anh	
27.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021212	Nguyễn Hồng Vinh	09/12/2002	125	2.36	139	GDTC Tiếng Anh	
28.	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021214	Nguyễn Văn Vũ	14/03/2002	122	2.39	139	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-I-IT15	20020002	Nguyễn Văn Bằng	01/10/2002	120	3.44	136	Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-I-IT15	20020022	Hà Quang Minh	13/03/2002	136	3.24	136	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021296	Trần Đức Anh	03/08/2002	119	3.16	138	GDTC	
2.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021301	Nguyễn Quốc Bảo	13/04/2002	122	2.43	138	GDTC	
3.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20020124	Nguyễn Tuấn Dũng	04/09/2002	132	2.41	138	Tiếng Anh	
4.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021325	Hà Hoàng Tiến Đạt	08/06/2002	57	1.92	138	GDTC	
5.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021335	Đặng Minh Đức	10/01/2002	128	2.81	138	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021353	Lê Đức Hiếu	01/05/2002	138	3.06	138	Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021360	Nguyễn Bùi Việt Hoàng	06/03/2002	129	3.07	138		
8.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021392	Lưu Đạt Tuấn Minh	19/10/2002	131	2.82	138		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
9.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021393	Nguyễn An Minh	29/01/2000	107	2.65	138	GDTC	
10.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021402	Lê Trung Nghĩa	14/11/2002	86	2.53	138	GDTC	
11.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021403	Lê Thị Mỹ Ngọc	13/12/2002	65	2.55	138	GDTC Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021409	Đỗ Tuấn Phi	19/05/2002	118	2.60	138	GDTC Tiếng Anh	
13.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021437	Đỗ Chiến Thắng	02/02/2002	121	2.50	138	Tiếng Anh	
14.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021451	Bùi Anh Toàn	07/11/2002	122	2.81	138		
15.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021452	Phạm Ngọc Toàn	11/12/2002	129	2.89	138	Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-I-IS	20021474	Cao Xuân Tuyên	21/10/2002	128	2.84	138		
1.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020277	Nguyễn Hà An	23/12/2002	114	2.25	138	GDTC	
2.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021292	Nguyễn Tuấn Anh	28/11/2002	125	2.83	138	Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021295	Trần Đức Anh	10/09/2002	69	2.49	138	GDTC GDQP Tiếng Anh	
4.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	07/02/2002	64	2.05	138	GDTC	
5.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021302	Tạ Thành Bảo	07/03/2002	134	2.66	138		
6.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021304	Chữ Tuấn Bình	05/10/2002	125	2.68	138		
7.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020283	Nguyễn Đức Cường	30/04/2002	118	2.66	138	GDTC	
8.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021315	Đỗ Quốc Dũng	02/06/2002	138	3.13	138	Tiếng Anh	
9.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020076	Nguyễn Trung Dũng	06/01/2002	134	2.94	138		
10.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020356	Lê Hoàng Đại Dương	25/11/1999	94	3.12	138	GDTC	
11.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021322	Phùng Ánh Dương	04/08/2002	134	2.65	138	GDTC	
12.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020134	Đặng Minh Hằng	26/11/2002	138	3.34	138	GDTC GDQP	
13.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021351	Dương Hiếu	21/09/2002	125	3.39	138		
14.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020135	Dương Danh Hiếu	11/05/2002	121	2.03	138	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020136	Nguyễn Trung Hiếu	12/11/2002	128	3.44	138		
16.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021357	Vũ Đức Hiếu	04/05/2002	141	2.78	138	3TC KKT ngành	
17.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020015	Phạm Nguyễn Tuấn Hoàng	22/04/2002	128	3.26	138		
18.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020016	Nguyễn Quang Huy	26/02/2002	67	2.42	138		
19.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020139	Đỗ Việt Hưng	20/11/2002	103	2.96	138	GDTC	
20.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021391	Đỗ Đức Minh	23/01/2002	138	2.98	138	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
21.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020299	Nguyễn Danh Minh	09/01/2002	129	2.49	138	GDTC	
22.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020148	Lê Đình Nghĩa	01/05/2002	109	2.40	138		
23.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020306	Lê Nhật Quang	22/10/2002	112	2.61	138		
24.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020308	Vũ Minh Quang	29/08/2002	110	2.42	138	GDTC	
25.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020152	Đoàn Minh Quân	17/04/2002	83	2.14	138	GDTC	
26.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020310	Nguyễn Duy Quý	08/05/2002	121	2.90	138	GDTC	
27.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021428	Bùi Minh Sơn	09/09/2002	128	2.50	138		
28.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020154	Đinh Tiến Thành	25/07/2002	122	2.58	138		
29.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020155	Ngô Văn Minh Thắng	10/09/2002	90	3.12	138		
30.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020157	Đỗ Trọng Thư	06/08/2002	135	3.42	138		
31.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021457	Nguyễn Việt Trung	01/01/2002	135	2.66	138		
32.	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021471	Phạm Đức Tùng	11/08/2002	138	2.58	138	Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20020180	Đỗ Huy Anh	13/09/2002	152	2.96	155		
2.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021311	Lê Quốc Cường	05/11/2002	135	2.68	155		
3.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20020007	Nguyễn Thái Dương	06/07/2002	131	2.59	155	GDTC	
4.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021334	Đào Văn Đức	20/03/2002	138	3.01	155		
5.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021340	Hoàng Thu Giang	18/11/2002	155	2.89	155	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021342	Nguyễn Ngọc Hải	08/12/2002	145	2.79	155		
7.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021355	Ngô Trần Trọng Hiếu	02/12/2002	146	2.94	155		
8.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021376	Nguyễn Công Khoa	31/12/2002	89	2.69	155	GDTC Tiếng Anh	
9.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021379	Nguyễn Duy Kiên	13/10/2002	132	2.69	155	Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021383	Đặng Việt Linh	17/09/2002	144	2.83	155		
11.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021387	Nguyễn Phúc Long	09/02/2002	145	3.33	155		
12.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021408	Lê Thị Cẩm Nhung	16/05/2002	157	3.06	155	Tiếng Anh	
13.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021414	Đỗ Minh Quân	27/10/2002	72	2.00	155		
14.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021421	Phạm Thị Quyên	10/02/2002	141	2.71	155	Tiếng Anh	
15.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021430	Nông Ngọc Sơn	12/10/2002	147	2.94	155	GDTC Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021431	Trần Mạnh Sơn	23/05/2002	161	3.21	155	Tiếng Anh	
17.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021436	Vũ Việt Thành	14/11/2002	145	3.09	155	Tiếng Anh	
18.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20021467	Bá Thanh Tùng	10/03/2002	157	3.29	155	GDTC	
19.	QH-2020-I/CQ-I-CN	20020326	Bùi Quốc Việt	30/05/2002	97	2.52	155	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
2. Chương trình đào tạo chuẩn									
1	QH-2015-I/CQ-C-A-C	15021108	Vũ Hoàng Long	12/09/1997	124	2.59	121	GDTC	T6/2026
1	QH-2015-I/CQ-C	15021142	Trần Thanh Tùng	10/03/1997	121	2.71	121	GDTC	T6/2026
1.	QH-2017-I/CQ-AE	17020756	Hoàng Đình Hoan	05/06/1999	146	3.17	146	GDTC	T12/2028
1.	QH-2017-I/CQ-H	17020607	Phạm Cơ Bình	04/12/1999	141	2.67	141	GDTC	T12/2028
1.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020075	Nguyễn Đình Tuấn Anh	26/02/2001	106	2.66	121		
2.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020225	Ngô Tiến Bình	02/01/2001	99	2.80	121	Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020267	Chu Đình Duy	03/01/2001	90	2.51	121	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020163	Vi Tiến Đạt	07/03/2000	110	2.51	121	Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020252	Phạm Tiến Đoàn	22/10/2001	118	2.83	121	Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020291	Bùi Xuân Hiếu	03/03/2001	121	3.25	121	Tiếng Anh	
7.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020300	Trần Văn Hoàng	01/11/2001	113	2.46	121	Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020324	Hà Văn Huy	21/10/2001	121	3.33	121	Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020321	Trần Quang Huy	06/02/2001	124	2.86	121	Tiếng Anh	
10.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020353	Lê Thành Long	10/06/2001	118	2.53	121	Tiếng Anh	
11.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020354	Nguyễn Tân Long	25/03/2001	115	2.51	121		
12.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020349	Lê Bảo Lộc	01/11/2001	114	2.70	121		
13.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020166	Hoàng Văn Lương	31/03/2000	121	2.54	121	Tiếng Anh	
14.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020361	Nguyễn Hữu Mạnh	10/03/2001	26	2.41	121	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020380	Nguyễn Ngọc Nam	20/10/2001	94	2.34	121	GDTC	
16.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020379	Nguyễn Thê Nam	19/06/2001	111	2.87	121	GDTC Tiếng Anh	
17.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020386	Nguyễn Minh Ngọc	07/05/2001	118	2.39	121		
18.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020396	Nguyễn Văn Phương	26/03/2001	86	2.42	121	Tiếng Anh	
19.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020401	Nguyễn Hữu Hồng Quân	28/01/2001	79	1.98	121	GDTC Tiếng Anh	
20.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020399	Phan Anh Quân	27/07/2001	118	2.92	121	GDTC Tiếng Anh	
21.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020426	Nguyễn Công Sơn	24/06/2001	106	2.10	121	Tiếng Anh	
22.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020438	Đình Văn Thái	06/03/2001	118	2.57	121		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
23.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020085	Vũ Đức Thành	11/02/2001	60	2.29	121	GDTC	
24.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020440	Nguyễn Văn Thắng	02/06/2001	121	3.22	121	Tiếng Anh	
25.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020171	Vì Quốc Thiện	10/09/2000	121	2.37	121	Tiếng Anh	
26.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020456	Nguyễn Bá Tiên	25/03/2001	121	2.96	121	Tiếng Anh	
27.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020169	Triệu Minh Tiến	11/12/2000	94	2.14	121		
28.	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020459	Lê Viết Toàn	01/07/2001	115	2.55	121		
1.	QH-2019-I/CQ-I-IT20	19020256	Nguyễn Đình Minh Đức	26/05/2001	94	2.58	123	Tiếng Nhật	
2.	QH-2019-I/CQ-I-IT20	19020294	Đặng Thị Thanh Hoa	25/11/2001	123	3.49	123	Tiếng Nhật	
3.	QH-2019-I/CQ-I-IT20	19020174	Lê Văn Sơn	19/05/2000	85	1.71	123	Tiếng Nhật	
4.	QH-2019-I/CQ-I-IT20	19020448	Nguyễn Trọng Thịnh	18/04/2001	126	2.94	123	Tiếng Nhật	
5.	QH-2019-I/CQ-I-IT20	19020478	Bùi Duy Tuấn	22/07/2001	116	3.07	123	Tiếng Nhật	
1.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020667	Lỗ Tuấn Anh	05/10/1996	126	2.93	126	Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020675	Hoàng Việt Cường	08/04/2001	120	2.57	126		
3.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020678	Lê Tất Đắc	28/01/2001	122	2.41	126	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020702	Phạm Hữu Hoàng	15/04/2001	126	2.78	126	Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020699	Trần Xuân Hoàng	01/07/2001	115	2.63	126	GDTC Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020712	Bùi Đức Huy	20/01/2001	112	2.70	126	GDTC	
7.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020708	Vũ Công Hưng	30/10/2001	119	2.56	126	Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020713	Trần Xuân Lâm	01/07/2001	41	2.01	126	GDTC Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020722	Dương Đình Mạnh	24/02/2001	126	3.08	126	Tiếng Anh	
10.	QH-2019-I/CQ-P-EP	19020727	Nguyễn Văn Minh	14/08/2001	126	2.90	126	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020805	Nguyễn Văn Dương	24/07/2001	135	2.75	145		
2.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020818	Nguyễn Văn Hoàng	28/08/2001	135	3.10	145	Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020824	Vũ Mạnh Hùng	16/10/2001	145	2.56	145	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020828	Lê Văn Hưng	08/12/1996	145	3.31	145	Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020831	Nguyễn Xuân Khang	19/11/2001	141	2.53	145	GDTC Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020854	Nguyễn Văn Sơn	27/07/2001	145	2.54	145	Tiếng Anh	
7.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020856	Nguyễn Văn Thái	16/04/2001	145	2.66	145	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
8.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020865	Đoàn Văn Trình	05/11/2001	145	2.83	145	Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-M-EM	19020868	Mai Đăng Trường	09/09/2001	126	2.33	145	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-M-AT	19021629	Đỗ Minh Tiến	02/02/2001	118	2.60	145	Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-M-AT	19021634	Phan Duy Tuấn	23/06/2001	116	2.50	145	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020217	Đàm Đức Ánh	01/11/1999	145	3.30	145	Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020237	Đỗ Mạnh Cường	13/03/2001	142	3.51	145	Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020259	Lê Văn Đức	02/06/2001	136	2.75	145	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020287	Trần Đức Hiếu	15/12/2001	146	3.15	145	Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020292	Vũ Minh Hiếu	31/10/2001	145	3.16	145	Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020299	Phạm Ngọc Hoàng	10/11/2001	135	2.55	145	Tiếng Anh	
7.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020302	Trần Ích Hoàng	14/02/2001	141	3.08	145	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020313	Trần Văn Hùng	04/03/2001	90	2.27	145	GDTC Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020333	Ngô Ngọc Khánh	16/06/2001	54	2.69	145	Tiếng Anh	
10.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020335	Đàm Tam Khoa	11/11/2001	142	2.90	145		
11.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020336	Phan Đăng Khoa	28/08/2001	109	2.57	145	Tiếng Anh	
12.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020339	Vũ Anh Kiên	03/09/2001	112	2.33	145		
13.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020363	Nguyễn Duy Mạnh	25/10/2001	145	2.85	145	Tiếng Anh	
14.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020360	Phạm Đức Mạnh	14/05/2001	132	2.42	145	Tiếng Anh	
15.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020072	Nguyễn Quang Minh	20/05/2001	100	2.19	145	GDTC Tiếng Anh	
16.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020398	Bùi Quang Quân	06/01/2001	14	2.36	145	GDTC GDQP Tiếng Anh	
17.	QH-2019-I/CQ-I-CN	19020462	Đỗ Thu Trang	04/05/2001	135	3.37	145		
1.	QH-2019-I/CQ-P-EE	19020665	Phạm Việt Anh	17/07/2001	144	2.44	146	Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-P-EE	19020679	Nguyễn Công Doanh	20/01/2000	144	2.50	146		
3.	QH-2019-I/CQ-P-EE	19020709	Vũ Thế Huy	30/10/2001	102	2.54	146	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-P-EE	19020731	Vũ Văn Nam	01/01/2001	147	3.20	146	GDTC Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-P-EE	19020736	Phan Đình Nghĩa	09/04/2001	147	2.67	146	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
6.	QH-2019-I/CQ-P-EE	19020743	Nguyễn Tài Phúc	18/02/2001	147	2.65	146	Tiếng Anh	
7.	QH-2019-I/CQ-P-EE	19021638	Phạm Hoàng Quân	21/05/2001	143	2.56	146	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020495	Nông Đức Việt Anh	01/10/2001	137	2.64	146		
2.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020530	Văn Quốc Dũng	07/02/2001	147	2.79	146	Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020534	Nguyễn Văn Duy	13/11/1999	98	3.03	146	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020513	Nguyễn Văn Đại	31/10/2001	136	2.51	146		
5.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020541	Nguyễn Hoàng Hiệp	17/11/2001	136	2.37	146		
6.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020545	Lê Thanh Hiếu	29/04/2001	136	3.33	146	Tiếng Anh	
7.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020551	Trương Huy Hoàng	04/03/2001	134	2.61	146	Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020552	Tổng Văn Hùng	29/10/2001	146	2.55	146	3TC KKT khối ngành	
9.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020565	Phan Thế Lam	09/06/2001	144	2.62	146		
10.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020585	Đỗ Thanh Nghị	15/11/2001	146	2.60	146	Tiếng Anh	
11.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020586	Nguyễn Tiến Nghĩa	05/01/2001	81	3.43	146	GDTC Tiếng Anh	
12.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020611	Nguyễn Hoài Sơn	16/01/2001	136	2.84	146		
13.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020617	Nguyễn Minh Tân	06/10/2001	143	3.08	146		
14.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020624	Trần Ngọc Thắng	12/06/2001	137	2.41	146	Tiếng Anh	
15.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020632	Nguyễn Thiêm	04/03/2001	133	2.75	146	GDTC Tiếng Anh	
16.	QH-2019-I/CQ-E-CE	19020646	Bạch Văn Trung	21/02/2001	145	2.71	146		
1.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020491	Nguyễn Hữu An	29/06/2001	139	2.34	145	GDTC Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020494	Trần Nam Anh	01/05/2001	106	2.27	145	Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020510	Chu Việt Cường	11/04/2001	124	2.74	145	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020512	Nguyễn Văn Cường	08/01/2001	145	3.20	145	Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020548	Phan Văn Hình	03/04/2001	135	3.04	145	Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020557	Phạm Quang Huy	19/09/2001	135	3.34	145		
7.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020561	Nguyễn Văn Khá	18/09/2001	39	3.02	145	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-E-RE	19020583	Nguyễn Thành Nam	21/10/2001	135	2.44	145	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021145	Ngô Việt Anh	18/04/2001	63	2.09	151	Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021143	Nguyễn Đình Anh	23/07/2001	135	2.42	151		

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
3.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021142	Nguyễn Quang Anh	11/12/2001	67	2.43	151	Tiếng Anh	
4.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021146	Nguyễn Quốc Anh	27/05/2001	111	2.28	151	Kỹ năng mềm Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021149	Vương Đức Chiến	07/11/1999	148	3.03	151	GDQP	
6.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021154	Nguyễn Tiến Dũng	17/07/2001	147	2.74	151		
7.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021153	Lê Quang Đức	01/09/2001	151	2.81	151	Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021160	Nguyễn Lê Đức Hoàng	12/12/2001	133	2.37	151	Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021161	Nguyễn Trọng Hoàng	16/01/2001	106	2.92	151	Tiếng Anh	
10.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021164	Nguyễn Mạnh Hùng	18/06/2001	67	2.04	151	Tiếng Anh	
11.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021163	Nguyễn Việt Hùng	02/06/2000	135	2.53	151		
12.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021173	Nguyễn Trọng Minh	15/03/2001	120	2.38	151	Tiếng Anh	
13.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021180	Phùng Minh Phương	07/04/2001	151	2.64	151	Tiếng Anh	
14.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021182	Dương Minh Quang	10/07/2001	127	2.15	151	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021183	Nguyễn Trường Sơn	23/10/2001	151	2.66	151	Tiếng Anh	
16.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021186	Nguyễn Phạm Ninh Thanh	24/02/2001	151	2.48	151	Tiếng Anh	
17.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021188	Nguyễn Trung Thành	21/02/2001	117	2.41	151	GDTC Tiếng Anh	
18.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021195	Bế Quốc Trung	07/07/2001	151	2.48	151	Học cải thiện	
19.	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021201	Lê Văn Vinh	09/09/2000	151	3.07	151	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020880	Trịnh Đình Đức Anh	22/05/2001	95	2.25	145	GDTC Tiếng Anh	
2.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020887	Nguyễn Văn Chinh	15/03/2001	134	2.84	145	GDTC Tiếng Anh	
3.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020907	Lê Công Dường	24/03/2000	139	2.67	145		
4.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020893	Phạm Tuấn Đạt	24/04/2001	90	2.35	145	GDTC Tiếng Anh	
5.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020896	Lê Đàm Hồng Đức	27/04/2001	112	2.05	145	GDTC Tiếng Anh	
6.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020901	Phan Xuân Đức	15/06/2001	131	2.37	145	GDTC Tiếng Anh	
7.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020918	Đỗ Hoàng Hiệp	18/11/2001	138	2.44	145	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020917	Nguyễn Khánh Hiệp	05/01/2001	145	2.63	145	Tiếng Anh	
9.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020923	Đặng Thế Hoàng	04/06/2001	145	2.31	145	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
10.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020929	Nguyễn Thái Hưng	08/01/2001	145	2.41	145	Tiếng Anh	
11.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020928	Trần Duy Hưng	10/02/2001	117	2.56	145	Tiếng Anh	
12.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020938	Bùi Đình Khôi	17/12/2001	145	2.83	145	Tiếng Anh	
13.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020945	Trần Văn Luật	17/03/2001	23	1.67	145	GDTC Tiếng Anh	
14.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020948	Hà Văn Mạnh	23/01/2001	141	2.30	145	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020951	Hoàng Công Mạnh	09/08/2001	122	2.37	145	GDTC Tiếng Anh	
16.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020971	Nguyễn Ngọc Sơn	18/11/2001	145	2.42	145	Tiếng Anh	
17.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020988	Nguyễn Văn Trung	02/10/2001	133	3.21	145		
18.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020989	Vũ Xuân Trường	26/01/2001	54	2.14	145	GDTC Tiếng Anh	
19.	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020996	Đỗ Thành Vinh	13/08/2001	139	2.27	145	Tiếng Anh	
1.	QH-2019-I/CQ-G-AT	19021551	Nguyễn Đức Hải	08/06/2001	125	2.49	146	GDTC	
2.	QH-2019-I/CQ-G-AT	19021569	Lương Hữu Quyết	08/10/2001	93	2.69	146	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020359	Nguyễn Quang Anh	23/10/2002	114	3.22	121	Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020360	Nguyễn Vũ Anh	09/06/2002	121	2.43	121	Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020188	Tăng Thế Anh	23/08/2002	114	3.29	121		
4.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020334	Trịnh Hoàng Anh	12/06/2001	68	2.11	121	GDTC Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020373	Dương Văn Công	22/01/2001	124	2.89	121	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020374	Đặng Ngọc Cường	19/05/2002	83	2.58	121	Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020376	Trần Đình Cường	22/01/2002	108	3.37	121		
8.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020191	Lê Trí Dũng	14/09/2002	78	2.47	121		
9.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020042	Phạm Nhật Duy	12/01/2002	114	3.45	121		
10.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020006	Đào Quang Thái Dương	08/06/2002	114	3.23	121	Tiếng Anh	
11.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020099	Lê Xuân Dương	10/09/2002	139	3.25	121	3TC KKT ngành	
12.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020389	Nguyễn Quốc Đại	19/10/2002	109	2.58	121	GDTC Tiếng Anh	
13.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020044	Lê Sỹ Đan	13/03/2002	114	3.70	121		
14.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020046	Ngô Quý Đạt	17/08/2002	121	2.74	121	GDTC	
15.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020391	Phùng Tiến Đạt	14/08/2001	41	2.42	121	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020405	Đào Minh Hiếu	06/07/2002	121	2.98	121	Tiếng Anh	
17.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020195	Nguyễn Khắc Hiếu	27/04/2002	124	3.32	121	Tiếng Anh	
18.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020410	Nguyễn Phúc Hoàng	03/07/2001	121	3.28	121	Tiếng Anh	
19.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020017	Phạm Xuân Huy	06/12/2002	11	3.42	121	GDTC GDQP Tiếng Anh	
20.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020425	Nguyễn Công Khải	24/03/2002	121	3.43	121	Tiếng Anh	
21.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020111	Lê Quang Kiên	03/06/2002	88	2.32	121	GDTC	
22.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020338	Trương Lương Lai	16/02/2001	124	2.45	121	Học cải thiện	
23.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020430	Hoàng Ngọc Lan	23/08/2002	104	2.83	121	Tiếng Anh	
24.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020439	Nguyễn Tiến Mạnh	18/11/2002	121	3.02	121	Tiếng Anh	
25.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020446	Đoàn Văn Nam	12/07/2002	112	2.56	121	Tiếng Anh	
26.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020447	Nguyễn Hải Nam	01/08/2002	120	3.19	121	Tiếng Anh	
27.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020452	Phạm Gia Nghĩa	30/06/2002	98	3.13	121	GDTC Tiếng Anh	
28.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020207	Ngô Thế Ngọc	23/01/2002	117	3.18	121	GDTC Tiếng Anh	
29.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020062	Trần Quý Nhất	30/08/2002	70	2.94	121	GDTC Tiếng Anh	
30.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020459	Đặng Thị Nhung	28/04/2002	118	3.60	121		
31.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020462	Mẫn Đình Quang	06/06/2002	114	3.33	121		
32.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020069	Lê Thái Sơn	20/07/2002	133	3.22	121	Tiếng Anh	
33.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020473	Cao Bá Thắng	12/04/2002	118	2.66	121	GDTC	
34.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020335	Kha Văn Thương	30/08/2001	117	2.80	121		
35.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020341	Dương Văn Tinh	23/09/2001	117	2.68	121		
36.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020486	Phạm Thị Kiều Trang	20/06/2002	114	3.75	121		
37.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020485	Phạm Thị Kiều Trang	04/03/2002	117	3.42	121		
38.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020487	Trịnh Văn Tráng	20/11/2002	117	3.16	121	Tiếng Anh	
39.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020034	Trương Minh Trí	05/03/2002	114	3.80	121	Tiếng Anh	
40.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020488	Nghiêm Sỹ Trung	27/05/2002	24	2.30	121	GDTC Tiếng Anh	
41.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020491	Nguyễn Văn Trường	01/02/2002	124	3.20	121	Tiếng Anh	
42.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	20/05/2002	43	2.93	121	GDTC Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
43.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020497	Vũ Văn Tuấn	21/03/2002	114	3.39	121	Tiếng Anh	
44.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020342	Trần Văn Tư	19/10/2001	114	2.26	121	Tiếng Anh	
45.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020507	Nguyễn Lương Vững	24/07/2002	121	2.86	121	Tiếng Anh	
46.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020072	Tạ Hữu Vượng	26/02/2002	121	2.38	121	Tiếng Anh	
47.	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020508	Tần Minh Xuân	28/02/2002	42	2.11	121	GDTC GDQP Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020361	Trần Thế Anh	09/06/2002	113	3.57	123	Tiếng Nhật	
2.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020365	Trần Xuân Bách	02/12/2002	110	2.69	123	GDTC Tiếng Nhật	
3.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020419	Nguyễn Quốc Huy	17/03/2002	110	3.45	123	GDTC Tiếng Nhật	
4.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020422	Hà Quang Hưng	27/01/2002	116	3.19	123	GDTC Tiếng Nhật	
5.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020199	Nguyễn Duy Khương	05/05/2002	101	2.40	123	GDTC Tiếng Nhật	
6.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020429	Nông Trung Kiên	23/06/2002	116	2.70	123	Tiếng Nhật	
7.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020437	Hoàng Hải Lý	08/05/2002	123	2.81	123	GDTC Tiếng Nhật	
8.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020453	Đàm Thị Hồng Ngọc	27/11/2002	104	3.21	123	Tiếng Nhật	
9.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020463	Nguyễn Xuân Quang	11/11/2002	109	2.23	123	Tiếng Nhật	
10.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020272	Hoàng Minh Quân	24/10/2002	100	2.68	123	Tiếng Nhật	
11.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020340	Hoàng Anh Thắng	09/08/2001	79	2.21	123	GDTC Tiếng Nhật	
12.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020475	Trần Xuân Thắng	26/12/2002	110	2.92	123	GDTC Tiếng Nhật	
13.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020268	Trần Quang Trung	29/08/2002	110	2.65	123	Tiếng Nhật	
14.	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020220	Nguyễn Thanh Tùng	16/11/2002	123	3.02	123	Tiếng Nhật	
1.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020794	Trần Văn Hợp	21/03/2002	122	2.73	126	Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020796	Đinh Gia Huy	04/07/2002	122	2.80	126	GDTC Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020825	Nguyễn Văn Nghĩa	01/02/2002	123	2.99	126		
4.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020827	Lương Minh Nhật	16/05/2002	120	2.67	126	Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020834	Hoàng Ngọc Sơn	10/05/2002	126	3.22	126	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
6.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020839	Đặng Quốc Thiên Thành	19/09/2002	126	3.18	126	GDTC Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020850	Bùi Quý Tráng	18/10/2002	120	2.68	126	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020853	Nguyễn Quốc Trung	29/10/2002	123	2.60	126	GDTC Tiếng Anh	
9.	QH-2020-I/CQ-P-EP	20020860	Nguyễn Văn Tuấn	12/02/2002	126	3.03	126	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021225	Phạm Khả Chiến	29/04/2002	48	2.69	151	GDTC GDQP Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021226	Nguyễn Đức Duy	26/06/2002	44	2.47	151	GDTC GDQP Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021235	Nguyễn Hoàng	19/01/2002	151	2.88	151	GDTC Tiếng Anh	
4.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021237	Lê Hữu Huy	20/06/2002	135	2.61	151	Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021238	Nguyễn Đức Huy	18/07/2002	63	2.33	151	GDTC Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021239	Trịnh Việt Huy	27/09/2002	138	2.37	151		
7.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021247	Nguyễn Văn Mạnh	01/11/2002	151	2.51	151	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021249	Ngô Quang Minh	27/09/2002	138	3.08	151	Tiếng Anh	
9.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021250	Diệp Sơn Nam	18/10/2002	45	2.13	151	GDTC Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021257	Nguyễn Tấn Phong	20/12/2001	141	2.53	151	GDTC	
11.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021258	Võ Tá Phong	15/06/2002	138	3.39	151	Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021267	Hà Tiến Thành	19/08/2002	89	2.16	151	GDTC	
13.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021269	Nguyễn Hữu Thiêm	22/03/2002	141	3.29	151	Tiếng Anh	
14.	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021279	Nguyễn Xuân Vũ	20/02/2002	120	2.55	151	Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020953	Nguyễn Ngọc An	24/04/2002	72	2.55	145	GDTC GDQP	
2.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020954	Phạm Trường An	24/12/2002	40	2.22	145	GDTC Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020955	Lê Đức Trường Anh	31/12/2002	145	2.87	145	Tiếng Anh	
4.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020961	Nguyễn Văn Ba	06/02/2002	121	2.27	145	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
5.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020963	Lục Thị Minh Châu	16/01/2002	145	3.31	145	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020965	Nguyễn Xuân Cung	15/06/2002	135	2.41	145	Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020966	Hoàng Mạnh Cường	28/12/2002	141	2.32	145	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020967	Trịnh Hùng Cường	26/08/2002	135	3.05	145	Tiếng Anh	
9.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020969	Đàm Tiến Dũng	22/09/2002	145	2.59	145	Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020972	Nguyễn Văn Dũng	12/03/2002	63	2.59	145	GDTC Tiếng Anh	
11.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020975	Lê Hải Dương	09/01/2002	145	3.05	145	GDTC Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020976	Vũ Xuân Dương	22/03/2002	48	2.16	145	GDTC Tiếng Anh	
13.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020978	Đỗ Thành Đạt	18/10/2002	145	2.74	145	Tiếng Anh	
14.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020980	Nguyễn Văn Đạt	21/04/2001	134	2.51	145	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020981	Phạm Tiến Đạt	06/02/2002	143	2.48	145	Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020982	Phạm Hải Đăng	13/02/2002	139	2.27	145	GDTC Tiếng Anh	
17.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020985	Dương Ngọc Giang	06/11/2002	94	2.57	145	GDTC Tiếng Anh	
18.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020987	Nguyễn Đức Hải	16/06/2002	118	2.44	145		
19.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020992	Nguyễn Minh Hiếu	01/04/2002	143	2.93	145		
20.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020996	Đào Quốc Hoàn	19/10/2002	145	2.58	145	Tiếng Anh	
21.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020999	Nguyễn Phương Huế	02/12/2002	137	2.92	145	GDTC Tiếng Anh	
22.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021005	Nguyễn Việt Hưng	03/05/2002	135	2.05	145	GDTC Tiếng Anh	
23.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021008	Lê Văn Khoa	16/09/2002	143	2.73	145	GDTC Tiếng Anh	
24.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021010	Nguyễn Văn Khương	10/04/2002	39	2.01	145	GDTC Tiếng Anh	
25.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021014	Phạm Văn Long	21/08/2002	140	2.62	145	GDTC	
26.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021016	Nguyễn Trọng Mạnh	24/07/2002	132	2.61	145	GDTC	
27.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021023	Võ Phương Nam	25/07/2002	72	2.43	145	GDTC Tiếng Anh	
28.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021027	Đào Việt Nhật	12/08/2002	145	2.44	145	Tiếng Anh	
29.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021034	Phan Công Phúc	23/11/2002	145	2.58	145	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
30.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021035	Trần Đình Phúc	23/04/2002	143	2.54	145	GDTC	
31.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021041	Nguyễn Đình Quân	04/02/2002	140	2.80	145	Tiếng Anh	
32.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021043	Đào Ngọc Quý	05/04/2002	117	2.19	145	GDTC Tiếng Anh	
33.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021047	Vũ Mạnh Quyết	04/01/2002	145	2.67	145	Tiếng Anh	
34.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021053	Nguyễn Danh Tân	11/01/2002	143	2.47	145	Tiếng Anh	
35.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021054	Nguyễn Trọng Thái	13/10/2002	136	2.50	145	GDTC Tiếng Anh	
36.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021058	Lưu Văn Thạo	27/03/2002	145	3.14	145	Tiếng Anh	
37.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021063	Lê Văn Thường	14/04/2002	130	2.45	145	Tiếng Anh	
38.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021066	Cao Cự Toàn	18/06/2002	111	2.37	145	GDTC Tiếng Anh	
39.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021070	Phạm Thành Trung	27/03/2001	97	2.27	145	GDTC	
40.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021072	Nguyễn Thanh Tú	30/11/2002	143	2.75	145	GDTC Tiếng Anh	
41.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021074	Đào Xuân Tùng	24/01/2002	145	2.45	145	Tiếng Anh	
42.	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021076	Nguyễn Mạnh Tường	26/03/2002	143	2.43	145	Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020509	Nguyễn Đình Việt Anh	15/07/2002	135	2.36	146	Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020510	Vũ Quang Bách	30/10/2002	146	2.68	146	3TC KKT tự chọn	
3.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020518	Nguyễn Hữu Đạt	21/04/2002	132	2.53	146	GDTC Tiếng Anh	
4.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020520	Nguyễn Thành Đạt	18/10/2002	131	2.94	146	GDTC	
5.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020523	Lê Anh Đức	12/09/2002	101	2.25	146	GDTC	
6.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020526	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	18/03/2002	104	2.59	146	GDTC Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020530	Đinh Duy Hùng	26/07/2002	125	2.46	146	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020531	Lê Gia Huy	15/02/2002	142	2.37	146	GDTC Tiếng Anh	
9.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020532	Nguyễn Quang Huy	27/02/2002	146	2.60	146	Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020533	Hoàng Công Khanh	02/09/2002	146	2.50	146	GDTC	
11.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020534	Lê Duy Khánh	10/11/2002	146	2.40	146	GDTC Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020542	Phạm Thành Luân	15/06/2002	143	2.71	146	GDTC	
13.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020544	Đinh Đức Lương	11/08/2002	139	2.38	146	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
14.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020549	Võ Minh Nhật	13/06/2002	100	2.17	146	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020552	Bùi Hồng Quân	19/09/2002	112	2.07	146	GDTC Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020563	Nguyễn Bá Trung	13/02/2002	145	2.68	146	GDTC Tiếng Anh	
17.	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020568	Đỗ Công Vinh	14/12/2002	141	2.65	146	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020878	Chu Quốc Dao	17/03/2002	142	2.39	145	GDTC Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020879	Phan Văn Dũng	29/12/2002	67	2.39	145	GDTC Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020890	Trần Doãn Đức	14/04/2002	145	3.64	145	Tiếng Anh	
4.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020893	Phan Song Hào	21/03/2001	93	2.58	145	GDTC Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020897	Hà Hữu Hiếu	16/02/2002	140	2.89	145	GDTC Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020899	Mạc Quang Hiệu	04/08/2002	145	2.39	145	Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020903	Nguyễn Trọng Hùng	20/08/2002	143	2.97	145	Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020905	Nguyễn Quang Huy	19/07/2002	126	2.84	145	GDTC Tiếng Anh	
9.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020911	Chu Trí Kiều	23/10/2001	133	3.08	145	GDTC Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020928	Bùi Đình Sự	26/03/2002	60	2.31	145	GDTC Tiếng Anh	
11.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020933	Đàm Đình Thuyết	17/12/2000	145	2.48	145	Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020948	Nguyễn Tiến Việt	29/09/2002	143	2.68	145	GDTC	
13.	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020950	Hán Long Vũ	16/01/2002	123	2.89	145	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020009	Nguyễn Hải Đăng	19/07/2002	139	2.74	145	Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020226	Trương Đức Hùng	18/02/2002	145	3.19	145	Học cải thiện	
3.	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020315	Đinh Tuấn Kiệt	30/12/2002	129	2.73	145		
4.	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020162	Nguyễn Hữu Phúc	01/01/2002	141	2.57	145	Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020597	Nông Minh Phúc	11/01/2002	142	2.84	145	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020343	Lại Đức Thanh	02/05/2001	142	2.80	145	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
7.	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020615	Phạm Sỹ Tuấn	05/12/2002	81	2.56	145	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020165	Nguyễn Phan Anh	03/03/2002	146	2.82	146	GDTC	
2.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020166	Lê Ngọc Ánh	19/12/2002	146	2.43	146	Học cải thiện	
3.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020639	Đào Quang Dũng	08/12/2002	146	3.19	146	3TC KKT ngành	
4.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020644	Dương Tiến Đạt	22/08/2002	146	3.05	146	Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020658	Vũ Hoàng Hạnh	31/05/2002	136	3.23	146	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020663	Đinh Quốc Hiếu	28/12/2002	149	2.75	146	Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020668	Lê Huy Hoàng	09/04/1998	124	2.21	146	GDTC GDQP Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020673	Nguyễn Quang Huy	15/08/2002	143	2.62	146		
9.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020169	Trần Quốc Hưng	13/03/2002	133	3.12	146		
10.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020689	Đồng Văn Mạnh	19/04/2002	136	2.95	146	Tiếng Anh	
11.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020690	Nguyễn Thạc Mạnh	02/10/2002	142	2.23	146	Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020347	Nguyễn Thành Nam	04/02/2001	111	2.63	146	Tiếng Anh	
13.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020698	Trần Văn Ngợi	11/08/2002	146	2.86	146	Tiếng Anh	
14.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020699	Phạm Ngọc Nhất	07/12/2002	114	2.80	146	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020231	Trịnh Ngọc Nhất	21/12/2002	45	2.10	146	GDTC Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020703	Chu Thanh Quang	11/03/2002	143	2.57	146	GDTC GDQP Tiếng Anh	
17.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020709	Nguyễn Văn Quyền	11/04/2002	149	2.47	146	GDTC Tiếng Anh	
18.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020715	Vũ Quang Thái	31/10/2002	136	2.50	146		
19.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020348	Lêo Tiến Thắng	30/08/2001	126	2.29	146	GDTC Tiếng Anh	
20.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020087	Trần Trọng Triều	23/01/2002	130	2.85	146	GDTC Tiếng Anh	
21.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020729	Trần Quang Trung	11/06/2002	87	2.63	146	GDTC Tiếng Anh	
22.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020349	Lục Văn Tuyên	23/02/2001	152	2.54	146	Tiếng Anh	
23.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020738	Lê Quốc Uy	23/09/2002	96	2.52	146	Tiếng Anh	
24.	QH-2020-I/CQ-E-CE	20020175	Phạm Quốc Việt	28/07/2002	146	2.72	146	GDTC	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
								Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020746	Nguyễn Bá Hoài An	28/10/2002	147	2.98	147	GDTC Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020770	Hoàng Viết Dương	31/10/2000	145	2.70	147	GDTC Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020774	Nguyễn Thế Đạt	20/09/2002	144	3.00	147	GDTC	
4.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020775	Nguyễn Hải Đăng	04/12/2002	138	2.85	147	GDQP	
5.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020778	Trần Văn Đô	14/09/2002	147	3.44	147	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020781	Vũ Minh Đức	08/01/2002	86	2.50	147	GDTC Tiếng Anh	
7.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020786	Nguyễn Mai Hiếu	10/06/2002	93	2.51	147	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020792	Trần Minh Hoàng	01/01/2002	119	2.84	147		
9.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020805	Ngô Văn Khải	30/08/2002	129	2.64	147	Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020820	Võ Phương Bảo Minh	01/09/2002	144	2.93	147	GDTC	
11.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020823	Giang Hải Nam	25/10/2002	143	2.84	147	Tiếng Anh	
12.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020828	Nguyễn Đình Phúc	26/02/2002	145	2.76	147		
13.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020829	Nguyễn Năng Phúc	20/12/2002	61	2.44	147	GDTC Tiếng Anh	
14.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020837	Thiều Quang Tấn	07/06/2002	54	2.70	147	GDTC Tiếng Anh	
15.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020843	Phạm Hoàng Thắng	06/09/2002	143	2.75	147	Tiếng Anh	
16.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020844	Trần Đình Thịnh	25/12/2002	147	3.20	147	Tiếng Anh	
17.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020851	Lê Minh Trí	05/01/2001	144	2.88	147		
18.	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020863	Lưu Văn Tư	20/02/2002	139	2.75	147	GDTC Tiếng Anh	
1.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020623	Phạm Trường An	21/01/2002	135	2.85	145	Tiếng Anh	
2.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020177	Nguyễn Mạnh Cường	16/07/2002	138	2.76	145	GDTC Tiếng Anh	
3.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020645	Nguyễn Đức Đạt	14/07/2002	135	3.26	145	Tiếng Anh	
4.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020650	Nguyễn Đình Đức	24/12/2002	87	2.33	145	GDTC Tiếng Anh	
5.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020657	Vũ Đình Hải	08/11/2002	135	2.63	145	Tiếng Anh	
6.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020659	Đỗ Duy Hậu	02/10/2002	145	2.80	145	Tiếng Anh	

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TCTL	ĐTBTL	Tổng TC	Lý do khác	Ghi chú
7.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020675	Lê Ngọc Khánh	28/10/2002	125	2.47	145	GDTC Tiếng Anh	
8.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020681	Mai Văn Lê	22/06/2001	141	2.65	145	GDTC	
9.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020346	Dương Kim Long	18/09/2001	80	2.16	145	Tiếng Anh	
10.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020682	Lương Hải Long	19/01/2002	128	3.14	145	GDTC	
11.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020700	Phan Duy Nhật	16/10/2002	143	2.65	145		
12.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020702	Nguyễn Thiện Phúc	26/06/2002	88	2.59	145	GDTC Tiếng Anh	
13.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020713	Lâm Thế Tài	05/07/2002	145	3.26	145	Tiếng Anh	
14.	QH-2020-I/CQ-E-RE	20020714	Lưu Văn Tài	14/11/2002	123	2.43	145	GDTC Tiếng Anh	

Ghi chú: Mã SV: **Mã sinh viên**; TCTL: **Tổng số tín chỉ tích lũy**; ĐTBTL: **Điểm trung bình tích lũy**; Tổng TC: **Tổng số tín chỉ**; GDTC: **Giáo dục Thể chất**; GDQP: **Giáo dục Quốc phòng**; KNM: **Kỹ năng mềm**; HP: **Học phí**; HS: **Hồ sơ**; TA: **Chuẩn đầu ra Tiếng Anh**; TN: **Chuẩn đầu ra Tiếng Nhật**.